

Gợi ý giờ học: Cùng nhau sáng tạo sơ đồ từ vựng !

[Truy cập bản gốc tiếng Nhật ở đây](#)

Nội dung chính

Mục đích
Ghi nhớ từ vựng bằng cách liên kết với những từ đã học và hình dung chúng một cách trực quan thay vì học thuộc một cách máy móc.
Trình độ người học
Có thể áp dụng ở mọi trình độ, nhưng hoạt động sẽ phù hợp và dễ thực hiện hơn với người học từ trình độ A2 trở lên theo Chuẩn Giáo dục tiếng Nhật JF.
Số lượng học viên trong lớp học
Không giới hạn
Chuẩn bị
Giấy A3, bút màu

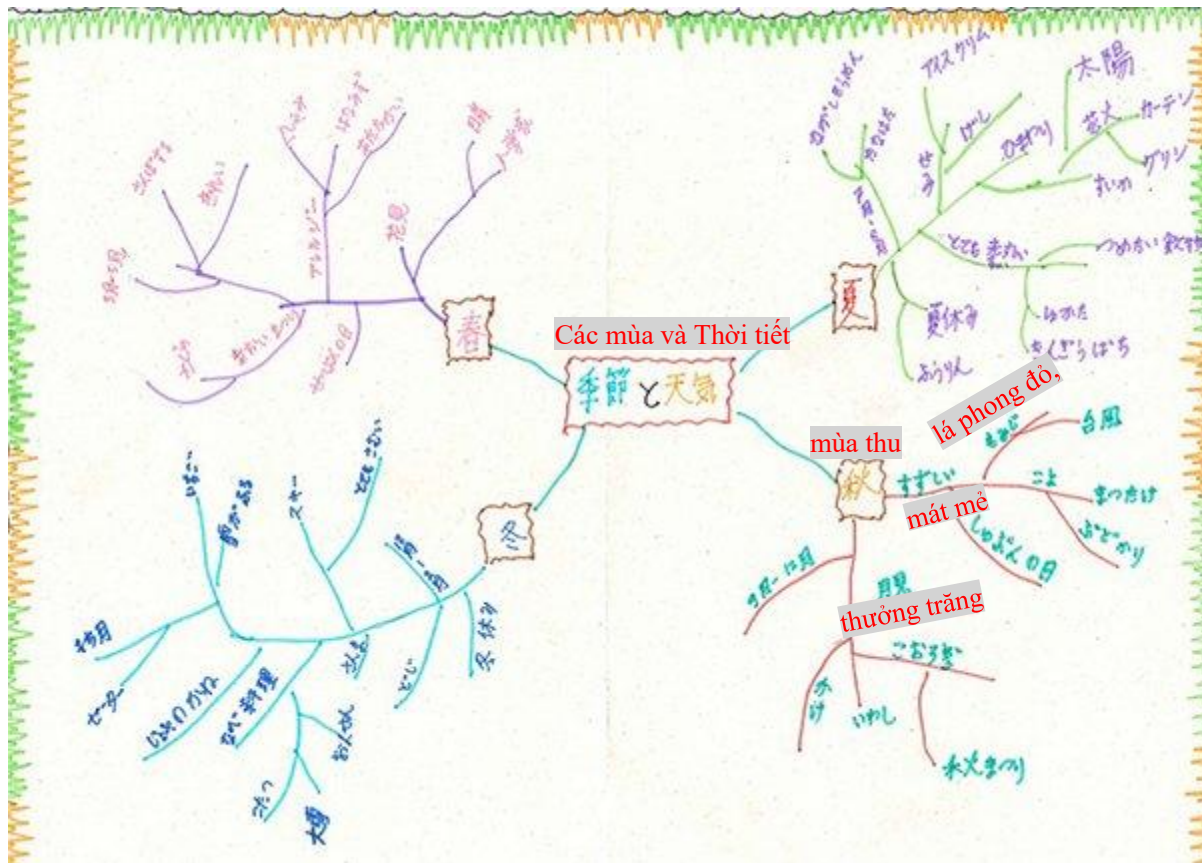
Mở rộng vốn từ vựng !

Từ vựng đóng vai trò rất quan trọng trong việc học tiếng Nhật, ảnh hưởng trực tiếp đến cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Nếu như người bản xứ có thể tích lũy vốn từ một cách tự nhiên thông qua giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày, thì người học tiếng Nhật lại gặp nhiều hạn chế với phương pháp này. Họ cần được rèn luyện một cách chủ động và có ý thức ngay trong không gian lớp học. Tuy nhiên, trên thực tế các buổi học trên lớp chủ yếu vẫn xoay quanh ngữ pháp, thời gian dành cho từ vựng chưa thực sự được chú trọng. Vì vậy, bài viết này sẽ giới thiệu “Sơ đồ từ vựng” - một phương pháp đơn giản nhưng cực kỳ hiệu quả có thể dễ dàng áp dụng trong giờ học.

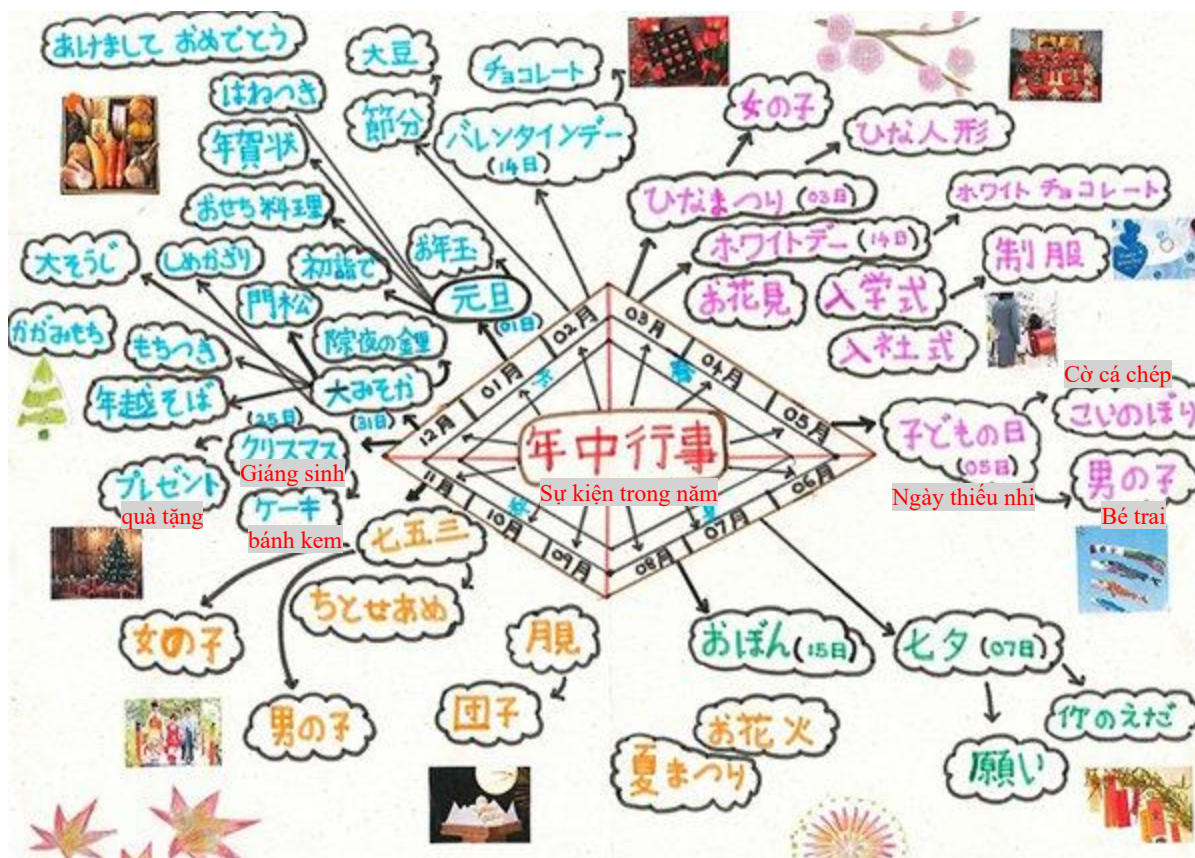
Sơ đồ từ vựng là gì?

Sơ đồ từ vựng là một dạng bản đồ tư duy giúp liên tưởng và kết nối các từ ngữ, cụm từ có liên quan đến một chủ đề nhất định. Sơ đồ này có thể do người học tự làm, hoặc được xây dựng

thông qua sự tương tác giữa giáo viên và người học, hay giữa những người học với nhau. Cách thực hiện rất đơn giản: viết từ khóa chính vào giữa trang giấy, sau đó dùng các đường nối để phát triển các từ liên quan ra xung quanh.



Hình 1: Ví dụ về Sơ đồ tư vưng (Chủ đề: Các mùa và Thời tiết)



Hình 2: Ví dụ về Sơ đồ từ vựng (Chủ đề: Các sự kiện trong năm)

Các sơ đồ từ vựng trong Hình 1 và Hình 2 là những sơ đồ do chính người học tự do lựa chọn chủ đề và viết ra. Như trong Hình 1, người học không nhất thiết phải xác định từ loại mà có thể tự do viết ra những từ nảy ra trong đầu, chẳng hạn như 「春」 (mùa xuân - danh từ), 「きれい」 (đẹp - tính từ), 「散歩する」 (đi dạo - động từ). Ngoài ra, Sơ đồ từ vựng trong Hình 2 còn sử dụng hình minh họa, ảnh chụp, v.v. Những thông tin mang tính hình ảnh cụ thể như tranh ảnh thường dễ gây ấn tượng và được cho là có tác dụng thúc đẩy khả năng ghi nhớ (Paivio, 1990).

Ưu điểm của sơ đồ từ vựng

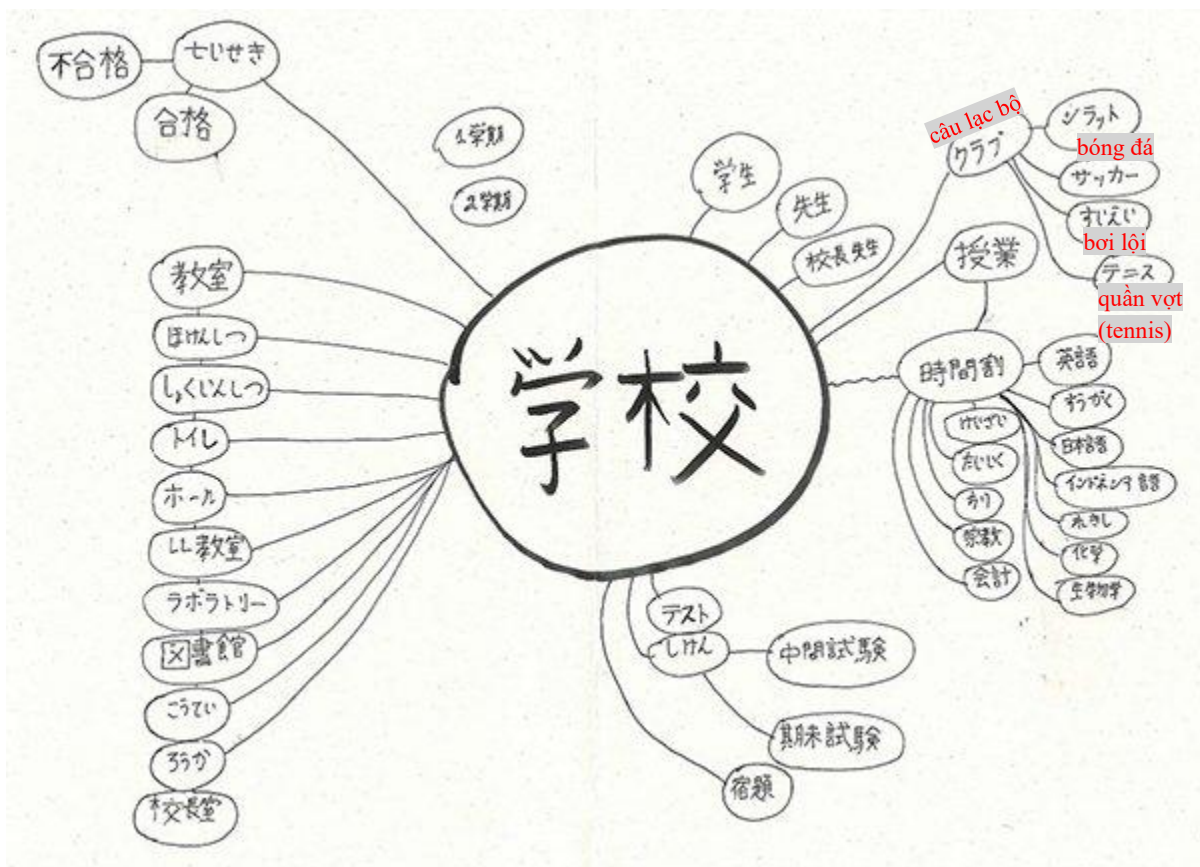
1) Học từ vựng dựa trên mối liên hệ về ý nghĩa và khái niệm

Người học có thể tận dụng những kiến thức nền và khái niệm đã biết để học từ vựng tiếng Nhật. Đặc biệt, người học trưởng thành đã có sẵn một vốn kiến thức phong phú bằng tiếng mẹ đẻ, nên chỉ cần mở rộng các khái niệm quen thuộc theo từng chủ đề rồi gắn từ tiếng Nhật tương ứng vào, việc ghi nhớ từ mới sẽ trở nên dễ dàng hơn.

2) Trục quan hóa từ vựng

Phương pháp này giúp người học tự hệ thống lại vốn từ vựng và củng cố kiến thức sau buổi học. Ví dụ, khi học chủ đề trường học, vào đầu giờ giáo viên có thể yêu cầu người học tạo sơ đồ từ vựng liên quan. Đến cuối buổi, người học sẽ dùng màu mực khác để bổ sung những từ mới vừa học được.

Ghi lại quá trình học theo cách này giúp người học hào hứng nhận ra: “Ồ, mình đã biết thêm bao nhiêu từ mới!”, từ đó cảm nhận rõ ràng sự tiến bộ. Đứng ở góc độ giảng dạy, giáo viên có thể nhìn vào sơ đồ từ vựng đầu giờ để giới thiệu từ mới phù hợp cũng như sửa các lỗi sai.



Hình 3: Sơ đồ từ vựng vào đầu giờ học

dụng”; 6) sơ đồ từ vựng có thể được sử dụng như một hoạt động chuẩn bị trước khi viết hoặc thảo luận (Nation, 2013).

Tiếp theo, chúng ta hãy cùng xem một ví dụ thực tế về việc áp dụng sơ đồ từ vựng vào hoạt động viết, tương ứng với nội dung 6) nêu trên.

Ví dụ thực tế về việc áp dụng sơ đồ từ vựng vào hoạt động viết

Sơ đồ từ vựng cũng có thể dùng trong hoạt động chuẩn bị trước khi thực hiện các hoạt động sản sinh ngôn ngữ như viết bài, thuyết trình, v.v.. Trong báo cáo của Iijima (2015) cũng có đề cập đến việc áp dụng thực tiễn trong hoạt động viết. Có thể nói, sơ đồ từ vựng phát huy ưu điểm vượt trội ở chỗ giúp người học vừa rà soát lại các từ cần dùng, vừa sắp xếp ý tưởng và bố cục cho bài viết.

Dưới đây là một ví dụ thực tế dựa trên bài tập luyện viết của Bài 10: “Một ngày nào đó tôi muốn đến Nhật Bản” trong giáo trình “*Marugoto Sơ cấp 1 A2 (Rikai)*” [chú thích 1](#).

6 Tập làm văn

"Tôi và văn hóa nước ngoài"



Bạn có hứng thú với văn hóa nước ngoài? Hãy viết một đoạn văn ngắn.

Tôi rất thích manga (truyện tranh) Nhật Bản.

Mỗi tuần, tôi thường vào các trang web đăng tải manga 4,5 lần.

Một ngày nào đó, tôi muốn đến thăm Nhật Bản.

Khi đó, tôi sẽ chụp ảnh tại các sự kiện manga.



1) Tạo sơ đồ từ vựng

Đầu tiên, viết tên người học vào chính giữa sơ đồ từ vựng (hình 5). Sau đó, người học sẽ mở rộng sơ đồ bằng cách viết về các chủ đề như 「興味のある国」 (Đất nước yêu thích), 「その国で興味のある文化」 (Văn hóa mà bạn thích của đất nước đó) → 「その国でしたいこと」 (Những điều muốn làm ở đất nước đó) 「(経験したものについては) その感想」 (Cảm tưởng (đối với những việc đã trải nghiệm)). Khi nhắc đến sơ đồ từ vựng, người ta thường chỉ

Ví dụ, ở hình 5 có ghi 「図書館」 (thư viện) - 「しょうらいいきたい」 (muốn đi trong tương lai), “Camel” 「ラクダ」 (lạc đà) - 「のりたい」 (muốn cưỡi), cho thấy người học đang có ý thức học các cụm từ đi kèm dạng “danh từ + động từ”. Ngoài ra, người học còn sử dụng cấu trúc 「～たいです」 (muốn～) mới học trong bài này, hoặc thêm vào các biểu đạt cố định như 「楽しみです」 (rất mong chờ).

Hình 5: Ví dụ ứng dụng sơ đồ từ vựng trong hoạt động tập làm văn

2) Viết bài

Tiếp theo, người học sẽ viết bài tập làm văn dựa trên sơ đồ từ vựng. Không nhất thiết phải đưa tất cả mọi nội dung vào bài viết. Người học chọn ra những nội dung mà mình đặc biệt muốn viết để chuyển thành dạng văn bản (Hình 6).

私はエジプトの文化にきょうみがあります。しゅに、エジプトのドキュメンタリーをみまけ
しょうらいに、旅行に行きたいです。すごく楽しみです。
スフィンクスとピラミッドのしんしんをとりたいです。
カイロのはくふつかんもいきたいです。
はくふつかんものは、ほんとうにふるくておもしろいです。
それから「エジプトの図書館」も行きたいです。Heiroglyphicsとローマじ
はぜんぜんちがいます。Heiroglyphicsはよおのがおもしろいです。
そして、Heiroglyphicsをみておきたいです。

Tôi rất quan tâm đến văn hóa Ai Cập. Vì thế, mỗi tuần tôi đều xem phim tài liệu về đất nước này ba lần.

Trong tương lai, tôi rất muốn có dịp đến đây du lịch. Tôi đặc biệt háo hức được tận mắt nhìn thấy tượng Nhân Sư và các kim tự tháp, đồng thời chụp thật nhiều ảnh.

Ngoài ra, tôi cũng muốn ghé thăm một bảo tàng ở Cairo. Nơi đây có rất nhiều hiện vật cổ, nên chắc chắn sẽ rất thú vị.

Bên cạnh đó, tôi còn muốn đến thư viện ở Ai Cập để tìm hiểu thêm về chữ tượng hình (Hieroglyphics). Chữ tượng hình và chữ La-tinh hoàn toàn khác nhau, và chữ tượng hình cũng rất khó đọc. Tuy vậy, tôi muốn được tận mắt nhìn thấy những chữ tượng hình thực tế và thử đọc chúng.

Hình 6: Bài tập làm văn được viết dựa trên sơ đồ từ vựng ở Hình 5

Lưu ý khi làm sơ đồ từ vựng

Nghiên cứu về việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai đã chứng minh rằng kết nối các từ vựng lại với nhau để ghi nhớ mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên, nếu liên kết những từ mới mà người học chưa nắm vững lại với nhau, họ có thể rơi vào tình trạng dễ nhầm lẫn (Tinkham, 1997). Chẳng hạn, khi cố gắng nhớ tên các loại rau củ cùng một lúc, cuối cùng người học có thể rối tung và không thể phân biệt nổi cái nào là 「はくさい」 (cải thảo) và cái nào là 「にんじん」 (cà rốt).

Ngoài ra, bài viết này chủ yếu giới thiệu về sơ đồ từ vựng do người học tự tạo, nhưng giáo viên cũng có thể cùng xây dựng với người học thông qua việc gợi mở và giới thiệu từ mới trong quá trình hội thoại. Giáo viên cũng có thể chủ động gợi ý sơ đồ này bằng cách tham khảo Tài liệu tham khảo [chú thích 2](#).

Sơ đồ từ vựng là một phương pháp học từ vựng vô cùng tiện lợi. Nó giúp trực quan hóa kiến thức và làm cho việc học trở nên thú vị hơn. Hãy thử áp dụng sơ đồ từ vựng vào các buổi học của bạn nhé!

Chú thích

1. Tải miễn phí phiếu bài tập làm văn này từ trang web Marugoto:

[<https://www.marugoto.org/download/elementary1_c/>](https://www.marugoto.org/download/elementary1_c/)

2. Các tài liệu học tập như “Kanji và từ vựng qua sơ đồ từ vựng - Sơ cấp 1400” 「語彙マップで覚える漢字と語彙 初級 1400」 hay “Luyện tập nâng cao vốn từ vựng tiếng Nhật” 「にほんご語彙力アップトレーニング」 cực kỳ hữu ích.

Tài liệu tham khảo

- Iijima Michiko (2015), “Giờ học Kanji sử dụng giáo trình Kanji có đăng tải sơ đồ từ vựng: Từ tiếp thu từ vựng đến viết văn”, *Tạp chí Hội nghiên cứu Học tập Kanji JSL*, số 7, trang 19-28.
- Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (2011), *Chuỗi phương pháp giảng dạy tiếng Nhật của Quỹ Giao lưu Quốc tế 3: Dạy chữ viết và từ vựng*, NXB Hitsuji Shobo.
- Tokuhiko Yasuyo (2016), “Phát triển giáo trình từ vựng Kanji sơ cấp sử dụng sơ đồ từ vựng”, *Tạp chí Hội nghiên cứu Học tập Kanji JSL*, số 8, trang 15-19.
- Nation, I.S.P. (2013). *Học từ vựng bằng một ngôn ngữ khác*. Xuất bản lần thứ hai. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.
- Paivio, A. (1990). *Biểu tượng tâm trí: Bán tiếp cận mã hóa kép*. New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford.
- Tinkham, T. (1993). *Ảnh hưởng của cụm từ vựng đồng nghĩa/cùng nhóm nghĩa (semantic clustering) đến việc học từ vựng ngôn ngữ thứ hai*. *Tạp chí System*, số 21, trang 371-380.

Giáo trình tham khảo

- Tokuhiko Yasuyo (2014), *Kanji và từ vựng qua sơ đồ từ vựng - Sơ cấp 1400*, NXB J-Research.

- Kinoshita Kenro, Mitsuhashi Asako, Maruyama Makiko (2015), *Luyện tập nâng cao vốn từ vựng tiếng Nhật*, NXB Ask.

(Ikeda Kanako / Giảng viên thường trực Trung tâm Tiếng Nhật Quốc tế)

Bản gốc (Tiếng Nhật): Trang web của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản

じゅぎょう 授業のヒント 「ごい 語彙マップ」をつく 作ってみよう！

Cùng nhau sáng tạo Sơ đồ từ vựng !

<https://www.jpf.go.jp/j/project/japanese/teach/tsushin/hint/202003.html>